

Bản án số:10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17/9/2019

“V/v: Hôn nhân và Gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Bá Thị và ông Hà Đức Trường.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Côn -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:153/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bàn Thị U**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: Anh **Bàn Văn T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu D, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị Thanh Hải**-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ, cử có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Bàn Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002 chị kết hôn với anh Bàn Văn T tại UBND xã T, huyện TS (nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2011 thì mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng ly thân từ đó không quan tâm đến nhau. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị với anh T có ba con chung Bàn Văn Đ, sinh ngày 20/02/2000; Bàn Văn H, sinh ngày 07/01/2002 và Bàn Thị N, sinh ngày 03/4/2005. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu N, còn anh T nuôi cháu H. Đối với cháu Đ đã lao động tự túc được chị không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị U xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2019, biên bản làm việc ngày 09/9/2019 và tại phiên tòa bị đơn anh Bàn Văn T trình bày:

Năm 2002 anh kết hôn với chị U tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2011 chị U tự bỏ nhà đi làm ăn thỉnh thoảng mới về. Thời gian gần nhất chị U về nhà là tết âm lịch vừa qua, nay chị U xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn với lý do chị U đưa con gái về nhà ở để làm ăn nuôi con.

Về con chung: Anh T xác nhận có ba con chung theo như chị U đã trình bày. Nếu ly hôn anh xin nuôi hai cháu nhỏ Bàn Văn H, sinh ngày 07/01/2002 và Bàn Thị N, sinh ngày 03/4/2005 và yêu cầu chị U cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung là 3.000.000đ/1 tháng. Đối với cháu lớn Bàn Văn Đ anh đồng ý với quan điểm chị U không đặt ra giải quyết vì cháu đã lao động tự túc được.

Về tài sản chung; công nợ và công sức: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn:

Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Bàn Thị U xin ly hôn, Bị đơn anh Bàn Văn T không đồng ý ly hôn nhưng thực tế anh chị đã sống ly thân từ năm 2011 được bị đơn anh T thừa nhận nên mục đích của hôn nhân không đạt được vậy đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Bàn Thị U được ly hôn anh Bàn Văn T theo quy định.

Về con chung: Chị U; anh T có ba con chung, đề nghị giao cho chị U nuôi cháu Bàn Thị N, anh T nuôi cháu Bàn Văn H là phù hợp với nguyện vọng của N và cháu Hiếu.

Về tài sản; công nợ và công sức: Hai bên xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán lấy lời khai theo quy định và tại phiên tòa Bị đơn có mặt nên vụ án được đưa ra xét xử đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét về hôn nhân thực tế của chị U; anh T là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị U được ly hôn anh T là phù hợp.

Về con chung: Chị U; anh T có ba con chung Bàn Văn Đ; Bàn Văn H và Bàn Thị N. Nguyện vọng của cháu H là được ở cùng với anh T còn nguyện vọng của cháu Ngọc là được ở cùng chị U nên cần giao cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thị N và giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Văn H là phù hợp với nguyện vọng của cháu hai và phù hợp với khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung; công nợ; công sức: Chị U; anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét là phù hợp..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Chị U có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin được ly hôn với anh Bàn Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Năm 2002, chị U; anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có Đăng ký kết hôn theo đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không có tiếng nói chung dẫn đến chị U; anh T ly thân từ năm 2011 đến nay. Kể từ thời điểm ly thân, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U xử cho chị Bàn Thị U được ly hôn anh Bàn Văn T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung:** Chị U; anh T có ba con chung Bàn Văn Đ, sinh ngày 20/02/2000; Bàn Văn H, sinh ngày 07/01/2002 và Bàn Thị N, sinh ngày 03/4/2005. Tại phiên tòa hôn nay chị U giữ nguyên quan điểm xin nuôi cháu Bàn Thị N, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T giữ nguyên quan điểm nuôi hai cháu Bàn Văn H và Bàn Thị N và anh T yêu cầu chị U cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung 3.000.000đ/1 tháng.

[4] **Về nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung:** Từ khi chị U; anh T ly thân, cháu N ở cùng chị U, cháu H ở cùng anh T. Khi ly hôn chị U; anh T đều có thể nuôi được hai con chung nhưng nguyện vọng của cháu H là được ở cùng với anh T còn nguyện vọng của cháu N là được ở cùng chị U nên cần giao cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thị N và giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Văn H, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu hai cháu và phù hợp với khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Bàn Văn Đ đã lao động tự túc được hai bên không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về tài sản chung; công nợ và công sức:** chị U; anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] **Về án phí:** Chị U là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1; 2 Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị U được ly hôn anh Bàn Văn T.

2.Về con chung: Giao cho chị Bàn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thị N, sinh ngày sinh ngày 03/4/2005. Giao cho anh Bàn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Văn H, sinh ngày 07/01/2002 kể từ tháng 9 năm 2019 đến khi thành niên, lao động tự túc được. Sau khi ly hôn, chị U; anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ và công sức: Hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Bàn Thị U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị U đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số 0002443, ngày 11/7/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Văn Chí